

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2025.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ưc Trai.
- Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thèn Ỗ T, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã S, tỉnh Lào Cai. - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Ly Sủ X, sinh năm 1999.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn K, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã S, tỉnh Lào Cai. - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Thèn Ỗ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ly Sủ X tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2016, đến ngày 04/10/2019 anh, chị mới tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và nuôi dạy con cái dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khoảng tháng 6/2021 sau khi hai vợ chồng cãi nhau, chị X bỏ nhà đi làm thuê ở nhiều nơi khác nhau, không nói cho anh và

người nhà biết chỗ ở và nơi làm việc của chị X. Thỉnh thoảng chị X có về nhà thăm con rồi lại đi làm. Tết hàng năm chị X về và đón con sang nhà ngoại ăn tết, ăn tết xong chị X lại đưa con về nhà cho anh rồi tiếp tục đi làm. Thực tế từ tháng 6/2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ly Sử X.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh và chị Ly Sử X có một con chung là cháu Thèn Ngọc N, sinh ngày 19/12/2016. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Ly Sử X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Ly Sử X:

Quá trình giải quyết vụ án chị Ly Sử X đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho chị X được và hồ sơ không có ý kiến của chị X. Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định Pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã B, trưởng thôn K, xã B xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của anh Thèn Ý T là đúng. Hiện nay, anh T ở nhà làm ruộng, trồng trọt, chăn nuôi, thỉnh thoảng đi làm thuê, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng một tháng.

Ngày 13/6/2025, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên họp, nguyên đơn anh T1 Ý Thịnh có mặt, chị Ly Sử X vắng mặt không có lý do. Anh Thèn Ý T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn anh Thèn Ý T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Ly Sử X vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 227, 228, 238 và Khoản 4

Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh T1 Ý Thịnh được ly hôn với chị Ly Sử X.

- Về con chung: Giao cháu Thèn Ngọc N, sinh ngày 19/12/2016 cho anh T1 Ý Thịnh trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị L Sử Xuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo anh T1 Ý Thịnh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với chị Ly Sử X, sinh năm 1999. Theo biên bản xác minh với Công an xã B xác định trước đây chị X có hộ khẩu ở thôn K, xã B, huyện S, sau đó do vắng mặt liên tục 12 tháng nên Công an đã xóa khẩu của chị X. Chị X vẫn thỉnh thoảng về nhà thăm con, hiện nay chị X đi đâu làm gì không thông báo cho Công an xã biết và hiện nay chị X chưa làm căn cước công dân. Nên Công an không nắm được chị X đi đâu, làm gì. Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/ 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì có căn cứ xác định, nơi cư trú cuối cùng của chị Ly Sử X là thôn K, xã B, huyện S (nay là thôn K, xã S, tỉnh Lào Cai). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai và quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Ly Sử X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Thèn Ý T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn anh Thèn Ý T, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B có đủ căn cứ xác định: Anh Thèn Ý T và chị L Sử Xuân ngày 04/10/2019 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và nuôi dạy con cái dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 6/2021 chị X đã tự ý bỏ đi làm thuê và không nói cho anh T và người nhà biết. Thỉnh thoảng chị X về thăm con xong chị X lại tiếp tục đi làm. Anh T, chị X đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa.

Đối với chị Ly Sử X: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn anh T1 Ý Thịnh cung cấp, xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh T, chị X không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T1 Ý Thịnh về việc ly hôn Chị Ly Sử X.

[3] Về con khi ly hôn: Anh Thèn Ý T và chị Ly Sử X có một con chung cháu Thèn Ngọc N, sinh ngày 19/12/2016, hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Cháu N có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được ở với Bố. Anh T là lao động tự do tại thôn K, xã B, huyện S, công việc chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần tiếp tục giao cháu Thèn Ngọc N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và chị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Thèn Ý T là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thèn Ý T:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thèn Ý được ly hôn với chị Ly Sử X. Quan hệ hôn nhân của anh Thèn Ý T và chị Ly Sử X chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con khi ly hôn: Anh T1 Ý Thịnh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thèn Ngọc N, sinh ngày 19/12/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Ly Sử X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Thèn Ý T.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND khu vực 9;
- UBND xã Sín Chéng;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, KT, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Vĩnh Thái